

Bản án số: **98/2023/DS-ST**
Ngày: **30-8-2023**
*V/v tranh chấp “Hợp đồng vay
tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M - TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Cao Thị Trúc Linh.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Nguyễn Tất Ái**

2/ Bà **Lê Thị Thu Yến**

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố M.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 30 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2023/TLST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2023/QĐXX-ST ngày 14 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thanh X sinh năm 1980.(có mặt)

Địa chỉ: số 180 ấp Mỹ Thạnh, xã Mỹ Phong, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:*

- Chị Trần Thị Kim H sinh năm 1984(có mặt)

- Anh Đặng Uy C sinh năm 1986(có mặt)

Cùng địa chỉ: số 182 ấp Mỹ Thạnh, xã Mỹ Phong, thành phố M, tỉnh Tiền Giang

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Nguyễn Thế N sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ: số 180 ấp Mỹ Thạnh, xã Mỹ Phong, thành phố M, tỉnh Tiền Giang

Nơi ở hiện tại: số 303B ấp Mỹ Thạnh, xã Mỹ Phong, thành phố M, tỉnh Tiền Giang

- Ông Lê Văn P sinh năm 1976 (xin vắng)

Địa chỉ: số 145 ấp Mỹ Thạnh, xã Mỹ Phong, thành phố M, tỉnh Tiền Giang

- Anh Trần Tiến Đ sinh năm 1990(có mặt)

Địa chỉ: số 624 ấp Long Hòa B, xã Đạo Thạnh, thành phố M, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện ngày 21/4/2023 của chị Lê Thanh X, và trong quá trình giải quyết vụ án chị X trình bày: Do có quen biết nhau nên chị Trần Thị Kim H và anh Đặng Uy C có mượn của chị Xuân số tiền 10.000.000 đồng với mục đích mượn dùm cho ông Út (Lê Văn P), không thỏa thuận lãi suất, chị X đã giao đủ số tiền vào tháng 04/2022. Tiếp đến chị H, anh C nhờ chị X mượn thêm của anh Trần Tiến Đ số tiền 5.000.000 đồng. Cả hai lần mượn nợ đều không viết biên nhận nợ.

Ông Út đã trả chị H số tiền 10.000.000 đồng nhưng đến nay chị H vẫn chưa trả cho chị X số tiền 10.000.000 đồng và số tiền 5.000.000 đồng mượn của anh Đ. Do đó, nay chị X khởi kiện, yêu cầu chị H và anh C phải có nghĩa vụ trả cho chị X số tiền 15.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

* Theo bản khai và tại các biên bản hòa giải không thành bị đơn Trần Thị Kim H trình bày: Chị H thống nhất có nợ của chị Lê Thanh X số tiền 10.000.000 đồng và nhờ chị X mượn của anh Đ số tiền 5.000.000 đồng. Tuy nhiên, đối với số tiền 5.000.000 đồng chị H mượn của anh Đ chị đã đưa đủ tiền vốn và lãi cho chị X để chị X trả cho anh Đ, khi giao trả tiền vốn và lãi các bên không có viết biên nhận. Còn đối với số tiền 10.000.000 đồng chị mượn của chị X là do anh Nguyễn Thế N, chồng chị X nhờ chị và anh C đứng ra mượn chị X dùm, chị H và anh C đã trả cho chị X được 03 tháng tiền lãi, mỗi tháng tiền lãi phải đưa cho chị X là 1.500.000 đồng, phía anh N đã trả cho chị H được 01 tháng tiền lãi và hiện tại anh N chưa thực hiện nghĩa vụ trả chị H số tiền 10.000.000 đồng nên chị không có tiền trả lại cho chị X. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của chị X chị thống nhất trả và có yêu cầu độc lập đối với anh Nguyễn Thế N, yêu cầu anh N trả lại chị và anh C số tiền 13.500.000 đồng, bao gồm tiền vốn 10.000.000 đồng và tiền lãi đã trả thay cho anh N là 3.500.000 đồng.

* Bị đơn anh Đặng Uy C trình bày: Thống nhất với toàn bộ ý kiến cũng như yêu cầu của chị Trần Thị Kim H, theo anh C tuy anh N không thừa nhận việc có nhờ chị H và anh C mượn tiền của chị X nhưng anh N có thừa nhận trong nội dung tin nhắn trao đổi với anh C nên nay anh C có yêu cầu độc lập đối với anh Nguyễn Thế N yêu cầu anh N trả cho anh C và chị H số tiền 13.500.000 đồng, anh C đồng ý trả lại số tiền 10.000.000 đồng cho chị X. Đối với số tiền 5.000.000 đồng chị H mượn chị X vay của anh Đ anh thống nhất là nợ chung và xác nhận đã giao trả tiền vốn và lãi cho chị X nên không đồng ý trả tiếp.

* Tại Bản khai và đơn xin vắng của ông Lê Văn P, ông P không thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn, ông P hoàn toàn không nhờ chị H anh C mượn tiền của chị X nên đối với vụ án ông P không có ý kiến và xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

* Tại Biên bản hòa giải ngày 27 tháng 7 năm 2023 anh Trần Tiến Đ trình bày: anh Đ thống nhất có cho chị X mượn số tiền 5.000.000 đồng do chị X đứng ra bảo lãnh, hiện tại chị X và chị H vẫn chưa hoàn trả anh số tiền trên. Đối với vụ án anh không có ý kiến gì khác.

* Tại biên bản hòa giải ngày 27/7/2023 anh Nguyễn Thế N trình bày: anh N không đồng ý với yêu cầu của chị X và anh C, anh xác định không có nhờ chị H mượn tiền của chị X nên không đồng ý trả.

Tại phiên Tòa, nguyên đơn xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu đối với chị Trần Thị Kim H và anh Đặng Uy C yêu cầu liên đới trả số tiền 10.000.000 đồng không lãi mà chị H anh C nhận thay và bảo lãnh cho ông Lê Văn P vào tháng 5/2022, và số tiền 5.000.000 đồng chị H và anh C mượn của anh Đ mà chị X đứng ra bảo lãnh. Tổng cộng chị yêu cầu chị H anh C trả 15.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi. Bị đơn Trần Thị Kim H và Đặng Uy C không đồng ý trả chị X số tiền 10.000.000 đồng, không có lãi vào tháng 5/2022 vì cho rằng chỉ có mượn chị X số tiền 10.000.000 đồng, có lãi đã mượn thay cho anh N vào tháng 8/2022 và vẫn giữ nguyên yêu cầu độc lập yêu buộc anh N trả số tiền 13.500.000 đồng, không yêu cầu trả lãi. Anh Nguyễn Thế N thống nhất với lời trình bày của chị X và không đồng ý với yêu cầu của chị H, anh C. Phía anh Đ xác nhận đến nay chị X, chị H vẫn chưa ai trả anh số tiền 5.000.000 đồng nên anh yêu cầu chị H anh C phải trả anh số tiền 5.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số nợ đã vay theo biên nhận mượn tiền nên quan hệ pháp luật được xác định là hợp đồng vay tài sản. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố M, tỉnh Tiền Giang nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang.

[2] Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Ông Lê Văn P đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Phát

[3] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời trình bày của các bên đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy giữa chị Lê Thanh X và chị Trần Thị Kim H, anh Đặng Uy C có phát sinh quan hệ vay mượn tiền, không xác định thời hạn trả, không thỏa thuận lãi suất theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên tại phiên tòa, các bên có sự trình bày không thống nhất về khoảng thời gian chị X cho chị H anh Cường mượn số tiền 10.000.000 đồng.

[3.1] Theo chị X, khoảng thời gian chị cho chị H và anh C mượn số tiền 10.000.000 đồng là vào tháng 5/2022, là số tiền chị X cho ông Lê Văn P mượn, vợ chồng chị H là người trực tiếp nhận tiền và đứng ra bảo lãnh. Tuy nhiên, chị H và anh C không thống nhất, và khai nại không có việc ông P mượn tiền chị X và chị H anh C cũng không hề nhận số tiền 10.000.000 đồng từ chị H vào tháng 5/2022 nên không đồng ý trả. Tại các phiên hòa giải, chị H anh C có thừa nhận và đồng ý trả chị X số tiền 10.000.000 đồng nhưng số tiền này là số tiền chị H đứng ra mượn thay anh N vào tháng 08/2022 nên nếu chị X yêu cầu chị H trả số tiền này chị H đồng ý trả. Xét thấy, chị X thừa nhận giữa chị và chị H có nhiều lần phát sinh việc vay mượn tiền không làm biên nhận nợ, và việc xác định khoảng thời gian phát sinh việc vay mượn số tiền 10.000.000 đồng theo nguyên đơn và bị đơn là không thống nhất, nên có cơ sở xác định khoảng tiền 10.000.000 đồng chị H khởi kiện không phải phải khoản tiền chị H thừa nhận trong quá trình giải quyết vụ án, và phía nguyên đơn cũng không đưa ra được tài

liệu chứng cứ cho việc có giao số tiền 10.000.000 đồng cho chị H và anh C trong khi tại bản khai ông P cũng xác định không có việc mượn chị X số tiền 10.000.000 đồng như chị X trình bày. Tuy anh N xác nhận có biết sự việc chị X giao cho chị H anh C số tiền 10.000.000 đồng nhưng anh N là chồng của chị X và đang có tranh chấp với chị H anh N nên lời khai của anh N cũng không mang tính xác thực. Ngoài anh N chị X có trình bày có nhiều người biết đến sự việc trên nhưng do là người thân của chị X nên trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị không đề nghị Tòa án đưa họ vào tham gia tố tụng. Từ những phân tích, yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thanh X là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[3.2] Ngoài ra, nguyên đơn còn yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền 5.000.000 đồng nguyên đơn đã đứng ra bảo lãnh để anh Trần Đức T cho chị H, anh C vay. Bị đơn H, C thống nhất có mượn anh T số tiền 5.000.000 đồng nhưng đã giao trả đủ tiền vốn và tiền lãi cho chị H nên không đồng ý trả. Tại phiên tòa, anh T xác nhận chị X vẫn chưa hoàn trả lại cho anh T số tiền 5.000.000 đồng và yêu cầu chị H anh C phải trả số tiền trên cho anh, do đó, việc chị X khởi kiện yêu cầu chị H, anh C phải có nghĩa vụ trả chị X số tiền 5.000.000 đồng là chưa phù hợp với quy định của pháp luật nên không được chấp nhận. Xét thấy trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh Đ không có đơn độc lập yêu cầu chị H và anh C thực hiện nghĩa vụ hoàn trả số tiền 5000.000 đồng nên yêu cầu trên của anh Đ tại phiên tòa không được Hội đồng đặt ra xem xét, giải quyết, anh Đ có thể khởi kiện chị H và anh C trong vụ án khác để bảo vệ quyền là lợi ích của mình.

[4] Về yêu cầu độc lập của bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1] Căn cứ vào nội dung khởi kiện chị X xác định việc chị H, anh C vay số tiền 10.000.000 đồng là để mượn dùm cho ông Lê Văn P, nhưng phía bị đơn cho rằng anh Nguyễn Thế N là người đã nhờ chị H đứng ra vay tiền từ chị X dùm nên nay chị H anh C đều có yêu cầu độc lập, yêu cầu anh N phải giao trả số tiền 10.000.000 đồng và 3.500.000 đồng tiền lãi mà chị H, anh C đã trả thay cho anh N. Tại bản khai ngày 06/7/2023 ông P khẳng định không nhờ chị H anh C vay số tiền trên từ chị X và chị H anh C đều xác nhận không phải mượn tiền dùm cho ông P. Ngày 29/11/2022 chị H có nộp đơn khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Thế N phải giao trả chị lại số tiền 10.000.000 đồng, đến ngày 28/12/2022 chị H rút đơn khởi kiện nên Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho đã đình chỉ giải quyết vụ án theo Quyết định số 119/2022/QĐST-DS ngày 28/12/2022. Theo chị H, anh C việc rút đơn kiện anh N là do tại phiên hòa giải, chị X và anh N thống nhất không có việc chị X cho chị H mượn tiền dùm anh N và đồng ý không buộc chị H và anh C phải giao trả số tiền trên. Anh N không thừa nhận có nhờ chị H mượn chị X số tiền 10.000.000 đồng, những nội dung tin nhắn giữa với anh C mà bị đơn cung cấp không phải do anh N nhắn, anh xác định thời điểm trên đã mất điện thoại và điện thoại không cài mật khẩu nên không sử dụng tài khoản zalo đó. Xét thấy, việc chị H trình bày vào tháng 08/2022 có mượn của X số tiền 10.000.000 đồng để giao cho anh N, nhưng chị X không thừa nhận có phát sinh việc giao cho chị H số tiền 10.000.000 đồng vào tháng 08/2022, chị H cũng không có tài liệu chứng cứ để chứng minh cho việc cho giao cho anh N số tiền 10.000.000 đồng. Đối với những nội dung tin nhắn zalo mà chị H cung cấp cũng không đủ căn cứ vì không xác định được chủ thể đăng ký sử dụng tài khoản zalo trên có phải là anh Nguyễn Thế N hay không. Do đó, yêu cầu độc lập của chị H và anh C là không có cơ sở để chấp nhận.

[4.2] Còn đối với số tiền 3.500.000 đồng là tiền lãi anh C chị H đã trả cho chị X, phía chị X không thừa nhận có nhận số tiền trên, và anh C chị H cũng không cung

cấp được tài liệu chứng cứ về việc đã giao số tiền trên cho chị X nên yêu cầu buộc anh N giao trả số tiền 3.500.000 đồng là không có cơ sở.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của chị Trần Thị Kim H và anh Đặng Uy C.

[4] Tại phiên tòa hai bên đương sự khẳng định không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm, nên HĐXX căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí:Chị Lê Thanh X, chị Trần Thị Kim H và anh Đặng Uy Cphải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 72, Điều 91, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, 466, 468 và khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thanh X.
2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của chị Trần Thị Kim H và anh Đặng Uy

C

4.Về án phí:

Chị Lê Thanh X phải chịu 750.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 375.000 đồng theo biên lai số 0023728 ngày 21/4/2023 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Mnên chị X còn phải nộp tiếp số tiền 375.000 đồng.

Chị Trần Thị Kim H và anh Đặng Uy C phải nộp 650.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 337.000 đồng theo biên lai thu số 0024159 thu ngày 27/7/2023 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Mnên chị H anh C còn phải nộp tiếp số tiền 313.000 đồng

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TP Mỹ Tho;
- Chi cục THADS TP Mỹ Tho;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- Lưu hồ sơ vụ án.

Cao Thị Trúc Linh